

Bản án số: 15/2022/HSST  
Ngày: 26.01.2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy

**Các Hội thẩm nhân dân:** - Ông Huỳnh Tiến

- Ông Huỳnh Thanh Trà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ly Na, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu - số 344A Lê Thanh Nghị, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 118/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

**Lưu Tống G**, t<sup>ên</sup> g<sup>ai</sup> kh<sup>o</sup>c: Không, sinh ngày: 22 tháng 4 năm 1980, tại thành phố Đà Nẵng. N<sup>ữ</sup>i ĐKNKTT: Tổ B, phường A, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ C, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Tr<sup>u</sup>nh ®é v<sup>à</sup>n ho<sup>à</sup> (học vấn): 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lưu Hàm D, sinh năm 1957 (chết) và bà Hồng Thị H, sinh năm 1960 (sống); Gia đình có 04 chị em bị cáo là con thứ 2; có vợ là Phan Thị Thu H, sinh năm 1982 (đã ly hôn); Có con Lưu Thiên P, sinh năm 2012;

Tiền án, Tiền sự: Không;

Nhân thân: Quyết định số 6285/QĐ-UBND ngày 14.9.2006 của UBND thành phố Đà Nẵng xử lý vi phạm hành chính áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cơ sở xã hội Bàu Bàng, thời gian 24 tháng.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18.10.2021, chuyển tạm giam từ ngày 27.10.2021, có mặt tại phiên tòa.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Nguyễn Thị Thu X, sinh năm 1991. Trú tại: Đường P, phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

- Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1979. Trú tại: Đường P, phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

**\* Người làm chứng:**

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1959. Trú tại: Tổ D, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên khoảng 12 giờ 30 phút ngày 18/10/2021, Lưu Tống G đến kiệt đường Ô, thành phố Đà Nẵng mua ma túy của C (*chưa rõ lai lịch*) với giá 500.000 đồng. Khi G đi đến trước số nhà A đường Ô, thành phố Đà Nẵng thì bị lực lượng Công an quận Hải Châu phối hợp Công an phường Hải Châu II phát hiện. Qua kiểm tra phát hiện và thu giữ trong túi quần bên phải của G có 01 (một) vỏ bao thuốc lá có dòng chữ Virgiria Gold, bên trong có 02 (hai) gói giấy bạc màu trắng chứa chất bột rắn màu nâu, nghi là ma túy được niêm phong, ký hiệu A.

Vật chứng thu giữ của Lưu Tống G:

- 01 vỏ bao thuốc lá có dòng chữ Virgiria Gold, bên trong có 02 (hai) gói giấy bạc màu trắng chứa chất bột rắn màu nâu, nghi là ma túy được niêm phong, ký hiệu A.

- 01 (một) điện thoại di động Nokia, màu đen, số seri 355171060162310, gắn sim số 0934.815.857.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Airblade, màu cam đen, số khung KLHJF6S02FZ083985, số máy JFGSE1084017, gắn BKS 43E1-347.22.

- Số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kết luận giám định số 249/GĐ-MT ngày 21/10/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng xác định: Mẫu bột màu nâu trong 02 gói giấy bạc niêm phong ký hiệu A gửi giám định là ma túy, loại Heroin; khối lượng mẫu A: 0,357 gam.

### **\* Về xử lý vật chứng:**

- Kết quả điều tra xác minh xác định xe mô tô BKS: 43E1-347.22 do chị Nguyễn Thị Thu X đứng tên chủ sở hữu. Do không có nhu cầu sử dụng nên chị X cho anh Nguyễn Ngọc D mượn để đi làm hàng ngày. Ngày 18/10/2021, anh D cho Lưu Tống G mượn xe mô tô trên. Việc Lưu Tống G mượn xe đi mua ma túy, anh Nguyễn Ngọc D và chị Nguyễn Thị Thu X đều không biết. Ngày 06/12/2021, Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô BKS: 43E1-347.22 cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị Thu X.

- Chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu các vật chứng sau để xử lý trong giai đoạn xét xử:

+ 0,237 gam mẫu A và toàn bộ bao gói mẫu hoàn trả sau giám định.

+ 01 (một) điện thoại di động Nokia, màu đen, số seri 355171060162310, gắn sim số 0934.815.857.

+ Số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Lưu Tống G đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của G phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai người chứng kiến, người liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 31.12.2021 Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu đã truy tố: Lưu Tống G về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lưu Tống G khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo đã có nhiều lời khai mâu thuẫn nhau trong quá trình bày về nhân thân của bị cáo cụ thể là quá trình sử dụng ma túy, quá trình điều trị methadone của bản thân, bản thân bị cáo cũng đã xác định khai không đúng và chỉ khai theo cáo trạng.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c, khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Tống G từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù giam.

Về vật chứng:

+ Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự:

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy 0,237 gam mẫu A và toàn bộ bao gói mẫu hoàn trả sau giám định.

- Đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước 01 ĐTDD nhãn hiệu Nokia, màu đen, số seri 355171060162310, gắn sim số 0934.815.857 là điện thoại G dùng liên lạc để mua ma túy.

- Trả lại cho bị cáo số tiền 1.500.000 đồng thu giữ của bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung do bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thống nhất với nội dung cáo trạng đã truy tố và phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hải Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện: Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 18/10/2021, tại trước số nhà A đường Ô, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, lực lượng Công an quận Hải Châu phối hợp Công an phường Hải Châu II phát hiện Lưu Tống G đang tàng trữ 0,357 gam ma túy loại Heroin để sử dụng.

[3] Lời khai của bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người chứng kiến, tang vật thu giữ trong vụ án, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác. Bị cáo tàng trữ 0,357gam loại ma túy là Heroin để sử dụng nên Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Lưu Tống G đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 31.12.2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi mua ma túy và cất giấu số ma túy đó nhằm mục đích để sử dụng là hành vi nguy hiểm cho xã hội bị pháp luật nghiêm cấm. Nhưng bị cáo vẫn bất chấp hậu quả. Hành vi đó xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về quản lý chất ma túy. Hành vi phạm tội của bị cáo làm mất trật tự trị an xã hội, làm gia tăng tội phạm về ma túy, góp phần là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác.

[5] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng tại Quyết định số 6285/QĐ-UBND ngày 14.9.2006 của UBND thành phố Đà Nẵng xử lý vi phạm hành chính áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cơ sở xã hội Bàu Bàng, thời gian 24 tháng.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lưu Tống G khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo đã có nhiều lời khai mâu thuẫn nhau trong quá trình bày về nhân thân của bị cáo cụ thể là quá trình sử dụng ma túy, quá trình điều trị methadone của bản thân, bản thân bị cáo cũng đã xác định khai không đúng và chỉ khai theo cáo trạng. Mặc dù đã được HĐXX giải thích việc khai báo trung thực, khách quan, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình sẽ được HĐXX xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Nhưng bị cáo vẫn quanh co khai không đúng, chính bị cáo cũng khẳng định bị cáo khai khai theo cáo trạng chứ không khai đúng sự thực

khách quan chứng tỏ bị cáo không hề ăn năn hối cải. Từ những nhận định trên, xét thấy lời luận tội của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng về đề nghị áp dụng tình tiết “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 để đề nghị mức hình phạt từ 12 tháng đến 18 tháng tù là nhẹ nên HĐXX không chấp nhận, về tội danh và áp dụng điều luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Bị cáo tàng trữ 0,357 gam ma túy loại heroin để sử dụng. Do đó, Lưu Tống G phải chịu trách nhiệm hình sự thuộc điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, đánh giá căn cứ quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy cần thiết xử phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh của cơ quan điều tra thì gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo không có tài sản riêng và là người nghiện chất ma túy nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[10] Về vật chứng:

[10.1] Đối với 0,237 gam mẫu A và toàn bộ bao gói mẫu hoàn trả sau giám định là chất cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy;

[10.2] Đối với 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia, màu đen, số seri 355171060162310, gắn sim số 0934.815.857 là điện thoại G dùng liên lạc để mua ma túy là công cụ phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước;

[10.2] Đối với số tiền 1.500.000 đồng thu giữ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo;

[10.3] Đối với 01 xe mô tô BKS: 43E1-347.22 đứng tên chị Nguyễn Thị Thu X chị X, do không có nhu cầu sử dụng nên chị X cho anh Nguyễn Ngọc D mượn để đi làm hằng ngày. Ngày 18/10/2021, anh D cho Lưu Tống G mượn xe mô tô trên. Việc Lưu Tống G mượn xe đi mua ma túy, anh Nguyễn Ngọc D và chị Nguyễn Thị Thu X đều không biết. Ngày 06/12/2021, Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô BKS: 43E1-347.22 cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị Thu X là có cơ sở nên HĐXX không xét.

[11] Đối với C là người bán ma túy cho G hiện chưa xác định lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau là đúng pháp luật.

[12] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lưu Tống G phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Lưu Tống G 02 (Hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18.10.2021.

3. Tang vật vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 0,237 gam mẫu A và toàn bộ bao gói mẫu hoàn trả sau giám định.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia, màu đen, số seri 355171060162310, gắn sim số 0934.815.857.

- Trả lại cho bị cáo số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

Các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05 tháng 01 năm 2022.

4. Án phí: Áp dụng khoản 1,2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lưu Tống G phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo và người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

#### **Nơi nhận**

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Hải Châu;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Công an quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Nhà tạm giữ CATP q. Hải Châu;
- TAND thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Thùy**